TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HS-ST
Ngày: 15-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lương Minh D, sinh năm 1992 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc V; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm H và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại:

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn H1: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1955; nơi cư trú: Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An, là người đại diện theo pháp luật (mẹ của bị hại H1).

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T1: Anh Phan Văn H2, sinh năm 1992; nơi cư trú: K, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2022), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Anh T2, sinh năm 1981 và ông Phạm Thanh P, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, cùng vắng mặt.

2. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lương Minh D có giấy phép lái xe hạng FC có giá trị đến ngày 04 tháng 10 năm 2023.

Vào khoảng 13 giờ 20 phút, ngày 07 tháng 12 năm 2022, anh Trần Văn H1 trực tiếp điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 chở ông Trần Văn L (cha anh H1) lưu thông trên đường ĐT749A hướng từ huyện D, tỉnh Bình Dương đến thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khi đi đến đoạn đường ĐT749A thuộc ấp M, xã L, huyện B thì xảy ra tai nạn giao thông với xe ô tô tải (còn gọi là xe ben, xe tự đổ) biển kiểm soát 61C-203.70 do D trực tiếp điều khiển lưu thông phía trước hướng ngược chiều lại từ thị xã B đến huyện D. Hậu quả: anh H1 chết tại Trung tâm Y tế thị xã B vào ngày 07 tháng 12 năm 2022; ông L bị thương; hư hỏng xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 và xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70.

Qua công tác khám nghiệm, thu thập các dấu vết tại hiện trường, xác định: vụ tai nạn xảy ra trên đường ĐT749A thuộc ấp M, xã L, huyện B. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn rộng 8m, được trải nhựa bằng phẳng, tầm nhìn lái xe không bị che khuất, đoạn đường được chia thành 02 chiều đường xe chạy được phân cách bởi vạch kẻ nét đứt màu trắng, mỗi chiều đường rộng 4m. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn không có biển báo P.125 "Cấm vượt".

Sau tai nạn, vị trí các xe và dấu vết để lại hiện trường được thể hiện đầy đủ tại Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 07 tháng 12 năm 2022 (bút lục số 02 đến 07). Hướng xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 lưu thông từ huyện D đến thị xã B và xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 lưu thông từ thị xã B đến huyện D.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 (bút lục số 08 đến 09): cong chắn ba, cổ xe từ trước ra sau, từ phải qua trái; cong hai phuộc trước từ trước ra sau, từ phải qua trái; vỡ rời nắp tay lái và đồng hồ km; vỡ rời đèn chiếu sáng; vỡ mặt nạ trước; gãy rời gác chân sau bên trái; cong gác chân trước bên trái từ trước ra sau; cong cần số trước bên trái từ trái qua phải; bên phải vành bánh trước có vết chà sát màu đen.

Kết quả khám nghiệm xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 (bút lục số 10): móp thụm biển số phía trước từ trước ra sau; móp thụm cản trước từ trước ra sau, mặt ngoài có vết sơn màu xanh và màu đỏ, từ tâm dấu vết đo xuống mặt đường là 0,9m; móp thụm nắp capo trước từ trước ra sau; mặt trong lốp trước bên trái có vết chà sát.

Qua làm việc, D khai, khoảng 13 giờ 20 phút ngày 07 tháng 12 năm 2022, D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 lưu thông trên đường ĐT749A theo hướng từ thị xã B đến huyện D. Khi D điều khiển xe lưu thông đến đoạn đường ĐT749A thuộc ấp M, xã L, huyện B thì cho phương tiện vượt xe phía trước dẫn đến xảy ra tai nạn giao thông với anh H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 chở ông L lưu thông trên đường ĐT749A hướng ngược chiều lại. D không có nồng độ cồn trong cơ thể tại thời điểm xảy ra tai nạn. Quá trình điều tra xác định, nguyên nhân và lỗi của vụ tai nạn giao thông là do D điều điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 lưu thông vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông làm chết anh H1. Hành vi của D đã vi phạm khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ: *"Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải*". Hành vi trên của D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố. Bị hại L, người đại diện hợp pháp của bị hại H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 07 tháng 12 năm 2022 (bút lục số 14), Công an huyện B đã tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44, đã qua sử dụng, hư hỏng do tai nạn giao thông; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 729239 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 146628.

Theo Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 07 tháng 12 năm 2022 (bút lục số 15), Công an huyện B đã tạm giữ: 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70, đã qua sử dụng, bị hư hỏng do tai nạn giao thông; 01 giấy phép lái xe hạng FC số 740136009615; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 042623 và 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1199316.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận (bút lục số

113): giá trị sửa chữa, thay thế phụ tùng hư hỏng: bung vỡ nhựa chắn gió trước phải; bung vỡ nhựa chắn gió trước trái; bung vỡ nhựa ốp đầu đèn trước; bung vỡ nhựa mặt nạ trước; cong chẵn ba từ trước về sau; bung vỡ chắn bùn bánh trước của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius5C6J, màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B2-387.44, đăng ký lần đầu tháng 9 năm 2013 (thời điểm định giá tháng 12 năm 2022) là 4.160.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận (bút lục số 116): giá trị sửa chữa, thay thế phụ tùng hư hỏng: móp thụm cản trước từ trước về sau; móp thụm nắp capo trước từ trước về sau của xe ô tô nhãn hiệu HuynDai 15Ton, màu trắng, biển kiểm soát 61C-203.70, đăng ký lần đầu tháng 10 năm 2009 (thời điểm định giá tháng 12 năm 2022) là 3.400.000 đồng.

Kết luận giám định số 38/KL-KTHS(CH) ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận (bút lục số 123):

1. Dấu vết va chạm giữa hai phương tiện là: dấu vết trượt xước sơn màu trắng, bám dính chát màu đỏ (dạng sơn), cong vênh biến dạng cản trước và biển số xe gắn ở đầu xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 có chiều từ trước về sau, từ phải qua trái (ảnh 3,5) phù hợp với dấu vết gãy, vỡ khuyết ốp nhựa phần đầu xe, mặt nạ trước, bửng chắn gió bên trái, trượt xước kim loại, bám dính chất màu trắng (dạng sơn) trên các chi tiết kim loại ở cổ xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 có chiều từ trước về sau (ảnh 4,6).

2. Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa hai phương tiện: phần đầu xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 va chạm với đầu xe mô tô (như mục 1, phần V) làm cho xe mô tô đổ ngã về bên phải va chạm với mặt đường tạo nên dấu vết trên hai phương tiện.

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường là: khu vực phía trước đầu vết cày ký hiệu số 8 trên sơ đồ hiện trường.

Kết luận giám định số 08/KL-KTHS (HPL) ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận (bút lục số 124): khoảng 06 (sáu) ml máu Trần Văn H1 đựng trong ống nhựa được niêm phong gửi đến giám định: có thành phần Ethanol (C). Nồng độ: 21,04mg/100ml máu.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 1274/GĐPY ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận đối với tử thi Trần Văn H1 (bút lục số 103 đến 104): nguyên nhân chết do đa chấn thương.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 042623 và 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1199316 cho chủ xe là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T2 (bút lục số 168).

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 37B2- 387.44 do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T3 là em của bị hại H1 đứng tên chủ xe (bút lục số

162): qua làm việc, chị T3 khai xe mô tô này chị T3 mua năm 2013, năm 2018 chị T3 giao cho bị hại H1 đi làm, không có giấy tờ vì anh em trong nhà. Ngày 07 tháng 02 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả xe mô tô này kèm theo 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 729239, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 146628 cho người đại diện hợp pháp của bị hại là anh H2 (bút lục số 169A).

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả 01 giấy phép lái xe hạng FC số 740136009615 có giá trị đến ngày 04 tháng 10 năm 2023 cho bị cáo D (bút lục số 170A), là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định, kết luận định giá và xử lý vật chứng nêu trên. Quá trình điều tra, truy tố, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các kết luận giám định, kết luận định giá và xử lý vật chứng nêu trên.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, bị cáo D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh P đã bồi thường chi phí mai táng của bị hại H1, chi phí điều trị thương tích cho bị hại Liệu cho người đại diện hợp pháp của bị hại là anh H2 tổng số tiền 380.000.000 đồng (bút lục số 151), trong đó bị cáo Dương chịu 300.000.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh P chịu 80.000.000 đồng. Cùng ngày, anh H2 có đơn xin bãi nại cho bị cáo D.

Đối với bị hại Liệu, sau khi xảy ra tai nạn bị thương tích đã điều trị và hiện tại tình trạng sức khỏe của ông L ổn định. Ngày 22 tháng 6 năm 2023, ông L có đơn từ chối giám định thương tích; ông L cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau (bút lục số 146).

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKSNDBB ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Lương Minh D về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo D theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Về xử lý vật chứng và về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: đã giải quyết xong.

Bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã biết lỗi, mong Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị hại L, người đại diện hợp pháp của bị hại H1 là anh H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T2, anh P và chị T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Quá trình điều tra, D1 bản (bút lục số 127A) và Chỉ bản (bút lục số 128) của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện B thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của D1 bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ C quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự; đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

[1.3] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo D khai: khoảng 13 giờ 20 phút ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại đoạn đường Đ, ấp M, xã L, huyện B, bị cáo đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 lưu thông theo hướng từ thị xã B đến huyện D vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ khi vượt xe gây tai nạn với xe mô tô biển kiểm soát 37B2-387.44 do bị hại H1 điều khiển chở bị hại Liệu lưu thông hướng ngược chiều lại làm bị hại H1 chết. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về vượt xe tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Do hành vi phạm tội của bị cáo làm chết bị hại H1, Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội, gây thiệt hại tính

mạng của bị hại H1, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ được pháp luật bảo vệ. Việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp.

[4] Bị cáo đã được học luật giao thông đường bộ và được cấp giấy phép lái xe hạng FC ngày 04 tháng 10 năm 2018. Tuy nhiên, khi tham gia giao thông đường bộ, bị cáo đã thiếu quan sát đã thực hiện vượt xe khi có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, không đảm bảo an toàn là vi phạm khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ. Hành vi bất cẩn, chủ quan của bị cáo đã gây tai nạn làm bị hại H1 chết. Dù vô ý, không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng hành vi của bị cáo là nguyên nhân trực tiếp gây ra vụ tai nạn.

[5] Xét thấy, hiện nay các vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày càng nhiều, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, là vấn đề mà Nhà nước ta hết sức quan tâm và tìm cách hạn chế, khắc phục. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo; bị cáo có con nhỏ, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo không quá 03 năm; bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: đã giải quyết xong, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-203.70 kèm giấy đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T2; trả xe mô tô biển kiểm soát 37B2- 387.44 kèm theo giấy phép lái xe hạng A1 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy cho người đại diện hợp pháp của bị hại là anh H2 và trả giấy phép lái xe hạng FC cho bị cáo D, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuyên bố bị cáo Lương Minh D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Lương Minh D 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao người được hưởng án treo Lương Minh D cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong.

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến